



I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực

1.1. Năng lực chung

- Phát triển năng lực tự học thông qua việc tự đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà; tích cực, chủ động trong tìm hiểu bài học.
- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác qua hoạt động nhóm và trình bày sản phẩm học tập.

1.2. Năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ và văn học

- Nhận biết được nội dung cơ bản của SGK Ngữ văn 8 .
- Biết được cấu trúc và các bài học trong sách Ngữ văn 8.
- Nêu được những suy nghĩ cảm xúc riêng của bản thân .
- Biết cách sử dụng sách Ngữ văn 8

2. Phẩm chất:

Bài học góp phần bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm với việc học tập của bản thân và tinh thần hợp tác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, máy tính, bảng phụ. SGK

2. **Học liệu:** SGK , Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức.

Lớp	Sĩ số	Ngày dạy	HS vắng

2. Kiểm tra sự chuẩn bị của HS.

3. Bài mới.

Hoạt động: Khởi động

a. **Mục tiêu:** Khởi gợi kiến thức nền để bước vào bài học.

b. **Nội dung:** Học sinh trả lời cá nhân câu hỏi

c **Sản phẩm:** sản phẩm của HS

d. Tổ chức hoạt động:

- GV tổ chức trò chơi “AI NHANH HƠN”

+ GV mời 4 bạn (2 bạn viết thể loại, 2 bạn viết tên văn bản lên bảng)

+ Kể tên các văn bản em đã học trong chương trình ngữ văn 7 CD.

+ Tên văn bản không được lặp lại

+ Trong vòng 1 phút, nếu bạn nào không nêu được đáp án sẽ thua cuộc và chịu hình phạt của lớp đề ra.

- GV áp dụng kĩ thuật KWL

Những điều em đã biết về SGK Ngữ văn 8 (K)	Những điều em mong đợi học được ở SGK Ngữ văn 8 (W)	Những điều học được (Cuối tiết học sẽ điền cột này) (L)
.....

Giáo viên : Chương trình ngữ văn 6,7 giúp học sinh được học tập, rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói nghe, phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học. Môn học cũng đã giúp các em phát triển phẩm chất của người công dân đáp ứng yêu cầu của thời đại: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Hướng các em biết tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo. Chương trình Ngữ văn 8 sẽ tiếp tục kế thừa và phát huy những điều đó, đồng thời sẽ mở rộng hơn giúp các em tiếp cận và làm quen với 1 số thể loại mới.

Hoạt động: Hình thành kiến thức mới

Phần I. Nội dung sách Ngữ văn 8

Nội dung I. Học đọc

- a. **Mục tiêu:** Học sinh nắm được nội dung chương trình Ngữ văn 8
- b. **Nội dung :** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV & HS	Dự kiến sản phẩm				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức hoạt động nhóm. - Hoạt động cá nhân: quan sát bìa của SGK và mô tả. - Hoạt động nhóm: 5 nhóm - Câu hỏi tìm hiểu: Thống kê các văn bản, nội dung của các văn bản trong từng thể loại - Thời gian: 5 phút GV tiếp tục dẫn dắt HS tìm hiểu nội dung 6. Thực hành tiếng Việt + Bốn nội dung lớn về sách tiếng Việt Ngữ văn 8 là gì? + Hệ thống bài tập trong sách Ngữ văn 8 có những loại cơ bản nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hiện cá nhân - HS hoạt động nhóm và trả lời câu hỏi	I. Học đọc				
	1. Đọc hiểu văn bản truyện				
	Tiểu loại	Truyện ngắn, truyện vừa	Tiểu thuyết	Truyện lịch sử	Truyện cười
Một số văn bản trong sách Ngữ văn 8	- Tôi đi học (Thanh Tịnh) - Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam) - Người mẹ vườn cau (Nguyễn Ngọc Tư) - Chuỗi hạt cườm màu xám (Đỗ Bích Thuyền) - Lão Hạc (Nam Cao) - Người thầy đầu tiên (Ai-ma-tốp) - Cố hương	- Đánh nhau với cối xay gió (Xéc-van-téc) - Trong mắt trẻ (Ê-xu-pe-ri) - Túc nước vỡ bờ (Ngô Tất Tố)	- Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái) - Bên bờ Thiên Mạc (Hà Ân)	- Cái kính (A-dít Nê-xin) - Hai truyện cười dân gian Việt Nam: Thi nói khoác, Treo biển	

<p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.</p>	(Lỗ Tấn)		
	2. Đọc hiểu văn bản thơ		
	Tiểu loại	Thơ sáu chữ, bảy chữ	Thơ Đường luật
	Một số văn bản trong sách Ngữ văn 8	<ul style="list-style-type: none"> - Nắng mới (Lưu Trọng Lư) - Nếu mai em về Chiêm Hóa (Mai Liễu) - Đường về quê mẹ (Đoàn Văn Cừ) - Quê người (Vũ Quần Phương) 	<ul style="list-style-type: none"> - Mời trầu (Hồ Xuân Hương) - Cảnh khuya (Hồ Chí Minh) - Xa ngắm thác núi Lư (Lý Bạch) - Vịnh khoa thi Hương (Trần Tế Xương) - Qua đèo ngang (Bà huyện Thanh Quan)
	3. Đọc hiểu văn hài kịch		
	<ul style="list-style-type: none"> - Đồi tên cho xã (Lưu Quang Vũ) - Ông Giuốc- đanh mặc lễ phục (Mô-li-e) 		
	4. Đọc hiểu văn bản nghị luận		
	Tiểu loại	Nghị luận xã hội	Nghị luận văn học
	Một số văn bản trong sách Ngữ văn 8	<ul style="list-style-type: none"> - NLXH Trung đại + Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn) + Nước Đại Việt ta (Nguyễn Trãi) + Chiếu dời đô (Lý Công Uẩn) - NLXH Hiện đại + Nước Việt Nam ta nhỏ hay không nhỏ (Đương Trung Quốc) + Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới (Vũ Khoan) 	<ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp của bài thơ “Cảnh khuya” (Lê Trí Vĩ) - Chiều sâu của truyện “Lão Hạc” (Văn Giá) - Nắng mới, áo đỏ và nét cười đen nhánh (về bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư) - “Hoàng tử bé”- Một cuốn sách diệu kì (theo reviewsach.net)
	5. Đọc hiểu văn bản thông tin		
Tiểu loại	VBTT giải thích một hiện tượng tự nhiên	VBTT giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim	
Một số văn bản trong sách Ngữ văn 8	<ul style="list-style-type: none"> - Sao băng - Nước biển dâng: Bài toán khó cần giải trong thế kỉ XXI - Lũ lụt là gì? Nguyên nhân và tác hại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bài giới thiệu về truyện “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” - Về bộ phim “Người cha và con gái” - Cuốn sách “Chìa khóa vũ trụ của 	

	- Vì sao chim bồ câu không bị lạc đường?	Giooc-no” - Tập truyện “Quê Mẹ”
6. Thực hành tiếng Việt		
Nội dung lớn	Nội dung cụ thể	
1. Từ ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa của một số thành ngữ và tục ngữ tương đối thông dụng. - Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ. - Từ tượng hình và từ tượng thanh: đặc điểm và tác dụng. - Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng 	
2. Ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Trợ từ và thán từ: đặc điểm và chức năng. - Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng. - Đặc điểm và chức năng của câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu khẳng định, câu phủ định. 	
3. Hoạt động giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ: đặc điểm và tác dụng. - Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu - Các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp: đặc điểm và chức năng. - Kiểu văn bản và thể loại. 	
4. Sự phát triển của ngôn ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị. - Biệt ngữ xã hội: chức năng và giá trị - Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ 	
Hệ thống bài tập tiếng Việt:		
<p>a/ Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt. Ví dụ: bài tập nhận biết từ loại: trợ từ, thán từ. Bài tập nhận biết các kiểu câu: câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu khẳng định, phủ định...</p> <p>b/ Bài tập phân tích tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt. Ví dụ: Bài tập phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, tượng thanh.</p> <p>c/ Bài tập tạo lập đơn vị tiếng Việt. Ví dụ: Bài tập viết đoạn văn: diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp</p>		

Nội dung II. Học viết

- a. Mục tiêu:** Rèn luyện kỹ năng viết văn bản theo 4 bước: chuẩn bị; tìm ý và lập dàn ý; viết; kiểm tra và chỉnh sửa những nội dung phù hợp theo từng kiểu văn bản.
- b. Nội dung :** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV & HS	Dự kiến sản phẩm												
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc phần <i>Học viết</i> và trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>a) Sách <i>Ngữ văn 8</i> rèn luyện cho các em viết những kiểu văn bản nào? Nội dung cụ thể của mỗi kiểu văn bản là gì?</p> <p>b) Những yêu cầu về quy trình và kiểu văn bản nào tiếp tục được rèn luyện ở lớp 8?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời câu hỏi</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.</p>	<p>Nội dung II. Học viết</p> <p>Bước 1: Chuẩn bị</p> <p>Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý</p> <p>Bước 3: Viết</p> <p>Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa</p>												
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Kiểu văn bản</th> <th>Nội dung cụ thể</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>TỰ SỰ</td> <td>Kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội có yếu tố miêu tả, biểu cảm.</td> </tr> <tr> <td>BIỂU CẢM</td> <td>Bước đầu biết làm bài thơ sáu chữ, bảy chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ</td> </tr> <tr> <td>NGHỊ LUẬN</td> <td>Viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống (NLXH) và bài phân tích một tác phẩm văn học (NLVH)</td> </tr> <tr> <td>THUYẾT MINH</td> <td>Giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách.</td> </tr> <tr> <td>NHẬT DỤNG</td> <td>Kiến nghị về một vấn đề đời sống.</td> </tr> </tbody> </table>	Kiểu văn bản	Nội dung cụ thể	TỰ SỰ	Kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội có yếu tố miêu tả, biểu cảm.	BIỂU CẢM	Bước đầu biết làm bài thơ sáu chữ, bảy chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ	NGHỊ LUẬN	Viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống (NLXH) và bài phân tích một tác phẩm văn học (NLVH)	THUYẾT MINH	Giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách.	NHẬT DỤNG	Kiến nghị về một vấn đề đời sống.
	Kiểu văn bản	Nội dung cụ thể											
	TỰ SỰ	Kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội có yếu tố miêu tả, biểu cảm.											
	BIỂU CẢM	Bước đầu biết làm bài thơ sáu chữ, bảy chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ sáu chữ, bảy chữ											
	NGHỊ LUẬN	Viết bài nghị luận về một vấn đề của đời sống (NLXH) và bài phân tích một tác phẩm văn học (NLVH)											
THUYẾT MINH	Giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách.												
NHẬT DỤNG	Kiến nghị về một vấn đề đời sống.												

Nội dung III. Học nói và nghe

- a. Mục tiêu:** Rèn luyện kỹ năng nói và nghe
- b. Nội dung :** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV & HS	Dự kiến sản phẩm						
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi gợi dẫn và yêu cầu HS hoàn thành PHT theo hình thức nhóm bàn.</p> <p>- Theo em, kỹ năng nói và nghe có quan trọng trong</p>	<p>III. Học nói và nghe</p>						
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Kỹ năng</th> <th>Nội dung cụ thể</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nói</td> <td>- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội - Trình bày giới thiệu ngắn về một cuốn sách.</td> </tr> <tr> <td>Nghe</td> <td>Nắm bắt nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.</td> </tr> </tbody> </table>	Kỹ năng	Nội dung cụ thể	Nói	- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội - Trình bày giới thiệu ngắn về một cuốn sách.	Nghe	Nắm bắt nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.
	Kỹ năng	Nội dung cụ thể					
Nói	- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội - Trình bày giới thiệu ngắn về một cuốn sách.						
Nghe	Nắm bắt nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.						

<p>hoạt động giao tiếp hằng ngày của con người không? Vì sao?</p> <p>Hoạt động nhóm bàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu nội dung của kỹ năng nói, nghe, nói nghe tương tác trong phần Học nói và nghe - Thời gian: 3 phút <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>H trả lời câu hỏi và hoàn thành PHT</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định.</p> <p>GV chốt và mở rộng kiến thức.</p>	<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Nói nghe tương tác</td> <td>- Thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.</td> </tr> </table>	Nói nghe tương tác	- Thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.
Nói nghe tương tác	- Thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.		

Phần II. Cấu trúc sách Ngữ văn 8

- a. **Mục tiêu:** HS nắm được cấu trúc của sách Ngữ văn 8.
- b. **Nội dung :** Làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV & HS	Dự kiến sản phẩm	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV tổ chức hoạt động nhóm bàn</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS hoàn thành PHT</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định.</p> <p>GV chốt và mở rộng kiến thức.</p>	B. Cấu trúc sách Ngữ văn 8	
	Các phần của bài học	Nhiệm vụ của học sinh
	Yêu cầu cần đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước khi học để có định hướng đúng. - Đọc sau khi học để tự đánh giá.
	Kiến thức ngữ văn	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước khi học để có kiến thức làm căn cứ thực hành - Vận dụng trong quá trình thực hành.
	<p>Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu văn bản +Tên văn bản. +Chuẩn bị + Đọc hiểu. - Thực hành tiếng Việt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu thông tin về thể loại, bối cảnh, tác giả, tác phẩm... - Đọc trực tiếp tác phẩm, các câu gợi ý ở bên phải, chú thích ở chân trang. - Trả lời câu hỏi đọc hiểu. - Làm bài tập thực hành tiếng Việt.

	- Thực hành đọc hiểu.	
	Viết - Định hướng. - Thực hành.	- Đọc định hướng viết. - Làm các bài tập thực hành viết.
	Nói và nghe. - Định hướng. - Thực hành.	- Đọc định hướng nói và nghe. - Làm các bài tập thực hành nói và nghe.
	Tự đánh giá	Tự đánh giá kết quả đọc hiểu và viết thông qua phần đọc và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, tự luận về 1 văn học tương tự văn bản đã học.
	Hướng dẫn tự học	- Đọc mở rộng theo gợi ý. - Thu thập tư liệu liên quan đến bài học.

Hoạt động : Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**
- GV yêu cầu HS hoàn thiện bảng kĩ thuật KWL ở phần khởi động

Những điều em đã biết về SGK Ngữ văn 8 (K)	Những điều em mong đợi học được ở SGK Ngữ văn 8 (W)	Những điều học được (Cuối tiết học sẽ điền cột này) (L)
.....

Hoặc thực hiện Vẽ sơ đồ tư duy
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động : Vận dụng

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, năng lực thực hiện.
- b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để trả lời, trao đổi.
- c. **Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**
HS sẽ đưa ra những kinh nghiệm về phương pháp học tập cho tốt bộ môn Ngữ văn

BÀI 5: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Đọc – hiểu văn bản (1)

HỊCH TƯỚNG SĨ

(Dụ chư tì tướng hịch võ) (*)

TRẦN QUỐC TUẤN

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- Nhận biết được đặc điểm của văn nghị luận xã hội; Mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ bằng chứng và mối quan hệ của chúng.

+ Nhận biết và xác định được vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề. Phân biệt được lí lẽ và bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.

+ Đề cao tinh thần yêu nước, niềm tự hào về nền văn hiến, văn hoá và lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc; nhận thức được trách nhiệm của tuổi trẻ đối với đất nước.

+ Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu nước, tự hào dân tộc

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Chiếu dời đô*

b. Nội dung: GV cho học sinh xem video giới thiệu về nhà Lý

c. Sản phẩm: HS quan sát video

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu video: <https://youtu.be/Vt3MKmcPVpY>

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát video

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- HS theo dõi video, nêu cảm nhận.

Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm

c. Sản phẩm học tập: Bài đọc của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm										
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm</p> <p><i>1) Chia sẻ quá trình tự đọc văn bản ở nhà (cách đọc, cách khám phá văn bản theo các gợi ý đọc bên phải văn bản; những lưu ý khi đọc văn bản).</i></p> <p><i>(2) Ngoài các từ ngữ ở cước chú, em thấy cần giải nghĩa thêm những từ ngữ nào khác trong văn bản?</i></p> <p>-Hoàn thành phiếu bài tập về tác phẩm</p> <table border="1" data-bbox="188 1133 715 2047"> <thead> <tr> <th colspan="2" data-bbox="188 1133 715 1368"> PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Tìm hiểu chung về văn bản “Hịch tướng sĩ” – Trần Hưng Đạo </th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="188 1368 453 1538">1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.</td> <td data-bbox="453 1368 715 1538"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="188 1538 453 1709">2. Văn bản được viết theo thể loại nào?</td> <td data-bbox="453 1538 715 1709"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="188 1709 453 1879">3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì?</td> <td data-bbox="453 1709 715 1879"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="188 1879 453 2047">4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai?</td> <td data-bbox="453 1879 715 2047"></td> </tr> </tbody> </table>	PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Tìm hiểu chung về văn bản “Hịch tướng sĩ” – Trần Hưng Đạo		1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.		2. Văn bản được viết theo thể loại nào?		3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì?		4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai?		<p>I. Đọc và tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>- Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn (1232 - 1300), quê ở Nam Định.</p> <p>- Tước Hưng Đạo Vương, là một danh tướng đời Trần có công lao lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên 1285 và 1288.</p> <p>- Trong cuộc kháng chiến chống quân Mông-Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai (năm 1285) và thứ ba (năm 1287 – 1288), ông đều được vua Trần Nhân Tông cử làm Tiết chế thống lĩnh các đạo quân, cả hai lần đều chiến thắng oanh liệt.</p> <p>- Ông là một nhà chính trị, nhà quân sự kiệt xuất của dân tộc, được tôn là Đức Thánh Trần.</p> <p>2. Văn bản</p> <p>- Hướng dẫn đọc: giọng đọc to, đồng dục, mạnh mẽ; lưu ý nhịp sóng đôi của văn biền ngẫu, chuyển ngữ điệu phù hợp với từng đoạn (khi sôi nổi, hùng hồn, khi lắng sâu, ân tình, khi đanh thép, nghiêm khắc,...). Chú ý phát âm chính xác tên các nhân vật, địa danh.</p> <p>- Giải thích từ khó:</p> <p>+ <i>cái đấu</i>: một dụng cụ đo khối lượng, dung tích thời xưa (1 đấu = 10 thăng, 1 thăng =</p>
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 Tìm hiểu chung về văn bản “Hịch tướng sĩ” – Trần Hưng Đạo											
1. Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản.											
2. Văn bản được viết theo thể loại nào?											
3. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì?											
4. Đối tượng thuyết phục của văn bản là ai?											

<p>5. Xác định bố cục và nội dung từng phần của văn bản.</p>		<p>2,766 lít, 1 lít tương đương với khoảng 750g).</p> <p>+ <i>lam chướng</i>: khí độc bốc lên ở vùng rừng núi, dễ gây bệnh cho con người.</p> <p>+ <i>Binh thư yếu lược</i>: cuốn sách tóm tắt những điều quan trọng nhất về việc huấn luyện, sử dụng binh lính.</p>
<p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS theo dõi văn bản</p>		
<p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV đưa thông tin về tác giả tác phẩm lên bảng</p>		<p>- Hoàn cảnh ra đời: ngay trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ hai, được viết trong cuốn <i>Binh thư yếu lược</i> do chính Trần Quốc Tuấn biên soạn.</p>
<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p>		<p>- Thể loại: Hịch.</p> <p>+ Hịch là thể văn chính luận trung đại. Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh, phong trào dùng hịch để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.</p> <p>+ Mục đích của hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm của người nghe -> Hịch đòi hỏi phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn đanh thép.</p>
		<p>- Bố cục: 4 phần</p> <p>+ Phần 1 – mở đầu: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ lưu danh trong sử sách và hiện tại.</p> <p>+ Phần 2: Lòng căm thù và thái độ kiên quyết không đội trời chung với kẻ thù xâm lược.</p> <p>+ Phần 3: Nhắc lại ân tình và khích lệ ý thức trách nhiệm của tướng sĩ với triều đình, đất nước, biết làm theo điều đúng, gạt bỏ điều sai.</p> <p>+ Phần 4 – kết thúc: Khuyên nhủ tướng sĩ luyện tập binh pháp để trừ giặc, bảo vệ xã</p>